TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 04/2019/KDTM - ST
Ngày 27 tháng 11 năm 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Ba và ông Dương Quang Lương.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST - KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST - KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng NN VN; trụ sở chính: Số 02, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng NN VN – Chi nhánh Y Vĩnh Phúc II.

(Theo văn bản ủy quyền số: 510/QĐ/HĐTV – PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đại Quốc V – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Đ thuộc Ngân hàng NN VN - Chi nhánh Y,Vĩnh Phúc II.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn G, sinh năm 1989 (Chủ hộ kinh doanh); nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tô Thị Q, sinh năm 1968 và anh Hoàng Văn U, sinh năm 1991; đều cư trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cư trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

(Có mặt ông V, bà Q; vắng mặt anh G, chị L và anh U)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 6 năm 2019, trong quá trình xét xử và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đại Quốc V trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 1836/2018/HĐTD ngày 23/5/2018. Phòng giao dịch Đ thuộc Ngân hàng NN VN - Chi nhánh Y Vĩnh Phúc II. (gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng tín dụng với hộ kinh doanh của anh Hoàng Văn G để cho hộ kinh doanh của anh G vay số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ là 9%/năm. Mục đích là vay để mua bán thức ăn chăn nuôi, trả nợ lãi theo tháng, thời hạn trả nợ tiền gốc là ngày 22/5/2019. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho hộ kinh doanh của anh G vay toàn bộ số tiền trên.

Để đảm bảo cho khoản vay nợ trên, hộ gia đình anh G gồm bà Q, anh G, chị L và anh U đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2617/HĐTC ngày 24/11/2015: Bao gồm quyền sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ số 12, diện tích 509,5m^2 tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 468451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 04/5/2017 đứng tên bà Tô Thị Q cùng toàn bộ các công trình xây dựng gắn liền trên khuôn viên thửa đất 143.

Sau khi được Ngân hàng giải ngân cho vay tiền, hộ kinh doanh của anh G đã sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả được nợ cho Ngân hàng 6.953.425 đồng tiền lãi. Đến hạn trả nợ tiền gốc, hộ kinh doanh của anh G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi đối với Ngân hàng theo như thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Hai bên đã nhiều lần thương lượng với nhau về việc trả nợ , nhưng đến nay hộ kinh doanh của anh G vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Văn G và chị Nguyễn Thị L phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 18/9/2019 là 671.457.534 đồng; trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 18/9/2019 gồm 64.504.109 đồng lãi trong hạn và 6.953.425 đồng lãi quá hạn và tiếp tục phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 19/9/2019 cho đến khi trả xong nợ

Tại phiên tòa, Ngân hàng xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc hộ kinh doanh anh Hoàng Văn G do anh G là chủ hộ phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 26/11/2019 là 688.471.233 đồng; trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 26/11/2019 là 88.471.233

đồng gồm lãi trong hạn là 81.517.808 đồng, lãi quá hạn là 6.953.425 đồng và tiếp tục phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản vay.

Trong trường hợp hộ kinh doanh của anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì đề nghị được xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2617/HĐTC đã ký ngày 24/11/2015 để thu hồi nợ.

Nếu xử lý tài sản thế chấp vẫn không thu hồi đủ số tiền nợ gốc, lãi và các chi phí khác thì đề nghị Tòa án buộc anh G phải tiếp tục lấy nguồn tài sản khác của mình để trả nợ Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng.

Về chi phí thẩm định: Tại phiên tòa, Ngân hàng tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản thế chấp.

Ngoài ra tại phiên tòa Ngân hàng xác định, tài sản đảm bảo trước khi ký hợp đồng thế chấp đến nay chưa có gì thay đổi.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Văn G nhiều lần để làm việc nhưng anh G vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do chính đáng. Tại bản tự khai ngày 24/11/2019, chị L trình bày.

Về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền vay và tài sản thế chấp, chị L thừa nhận như lời trình bày trên của Ngân hàng là đúng. Chị L xác định, chị và anh G kết hôn với nhau từ năm 2013. Sau khi kết hôn chị về nhà anh G làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà anh G. Trong thời gian làm dâu gia đình anh G, bản thân chị không có công sức gì đóng góp vào khối tài sản mà gia đình anh G đã thế chấp cho hộ kinh doanh của anh G vay tiền tại Ngân hàng. Tuy chị và anh G là vợ chồng như mỗi người có công việc riêng, chị đi làm công nhân tại Công ty du lịch Âu Việt Vĩnh Phúc còn anh G ở nhà kinh doanh chăn nuôi. Do cuộc sống giữa chị và anh G thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên kinh tế của ai người đó giữ không liên quan gì đến nhau, số tiền vay Ngân hàng do anh G tự chi tiêu riêng vào việc kinh doanh, chị không được chi tiêu. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền hộ kinh doanh của anh G nợ thì chị không đồng ý. Chị thừa nhận chị là người ký hợp đồng thế chấp tài sản số 2617/HĐTC nhưng tài sản bảo đảm trong hợp đồng thế chấp trên chị không có công sức gì đóng góp cho nên nếu hộ kinh doanh của anh G không trả được nợ, tài sản thế chấp phải bán phát mại để Ngân hàng thu hồi nợ thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, chị không có ý kiến gì.

+ Bà Tô Thị Q trình bày trong quá trình giải quyết như sau: Về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền vay và tài sản thế chấp giữa Ngân hàng và hộ kinh doanh của anh G, bà thừa nhận như lời trình bày trên của Ngân hàng là đúng.

Tại phiên tòa bà Q xác định: Hộ kinh doanh của anh G chỉ có anh G trực tiếp kinh doanh. Bà, chị L và vợ chồng anh U chỉ là người ở cùng nhà với anh G không tham gia kinh doanh cùng với anh G. Khi anh G cần vốn để kinh doanh thì gia đình bà đồng ý thế chấp tại Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ số 12, diện tích 509,5m^2 tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 468451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 04/5/2017 do bà đứng tên cùng toàn bộ các công trình xây dựng gắn liền trên khuôn viên thửa đất 143 cho anh G vay vốn. Sau khi được Ngân hàng giải ngân, anh G sử dụng số tiền vay đó vào việc mua bán thức ăn chăn nuôi lợn, gà. Do lợn gà bị dịch bệnh cho nên lợn gà chết hết không bán được dẫn đến anh G không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Nhiều lần Ngân hàng đến nhà bà đôn đốc trả nợ nhưng vì điều kiện khó khăn nên anh G không trả được nợ cho Ngân hàng vì vậy Ngân hàng khởi kiện để đòi nợ anh G. Bà xác nhận, bà đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập cho bà và các thành viên trong gia đình bà đến Tòa án để giải quyết công nợ với Ngân hàng, sau khi bà nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh G, chị L và vợ chồng anh U bà đã thông báo đầy đủ nội dụng các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh G, chị L và vợ chồng anh U biết. Anh G nói với bà rằng hiện anh G đang đi làm ăn xa không về được, nguyện vọng của anh G và gia đình bà xin Ngân hàng cho anh G được trả nợ dần số tiền nợ gốc đồng thời xin miễn toàn bộ tiền lãi. Hiện tại cuộc sống vợ chồng của anh G và chị L đúng như lời trình bày của chị L ở trên, mặc dù anh G và chị L chưa ly hôn nhưng chị L và anh G đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018, số tiền anh G vay Ngân hàng chị L không được chi tiêu.

Về nguồn gốc tài sản gia đình bà đem thế chấp cho khoản vay của anh G tại Ngân hàng. Về quyền sử dụng thửa đất 143, là đất ông cha để lại cho vợ chồng bà. Sau khi chồng bà chết, thửa đất trên, gia đình bà đã được chia thừa kế cho riêng một mình bà còn các tài sản xây dựng gắn liền trên đất là của bà, anh G và anh U tạo lập được. Bà Q khẳng định, toàn bộ khối tài sản gia đình bà thế chấp cho khoản vay nợ của anh G, chị L và chị Vân là vợ anh U không ai có công sức gì đóng góp vào khối tài sản trên của gia đình bà. Hiện tại, tài sản đảm bảo gia đình bà thế chấp cho anh G vay tiền bây giờ vẫn nguyên chưa có gì thay đổi.

Ngân hàng yêu cầu hộ kinh doanh của anh G phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi đến hết ngày 26/11/2019 là 688.471.233 đồng và tiếp tục phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả x ong

nợ. Bà đề nghị Ngân hàng cho gia đình bà được trả nợ dần số tiền nợ gốc còn lãi xin miễn. Bà không đồng ý cho Ngân hàng bán phát mại tài sản thế chấp của gia đình bà để thu hồi nợ.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Hoàng Văn U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chị Vân là vợ anh U đến làm việc nhiều lần nhưng anh U và chị Vân không đến làm việc nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh U và chị Vân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn anh G, chị L và anh U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh G và chị L, anh U đã được tống đạt hợp lệ nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, Điều 299, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc hộ kinh doanh của anh Hoàng Văn G do anh G là chủ hộ phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 26/11/2019 là 688.471.233 đồng; trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 26/11/2019 là 88.471.233 đồng gồm lãi trong hạn là 81.517.808 đồng, lãi quá hạn là 6.953.425 đồng và tiếp tục phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi thanh toán hết khoản vay.

Trong trường hợp anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2617/HĐTC đã ký ngày 24/11/2015 để thu hồi nợ.

Nếu xử lý tài sản thế chấp vẫn không thu hồi đủ số tiền nợ gốc, lãi và các chi phí khác thì đề nghị Tòa án buộc anh G phải tiếp tục lấy nguồn tài sản khác của mình để trả nợ Ngân hàng cho đến thanh toán hết khoản vay theo hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Hộ kinh doanh của anh Hoàng Văn G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tư cách tham gia tố tụng: Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng NN VN – Chi nhánh Y Vĩnh Phúc II (gọi tắt là Ngân hàng) là nguyên đơn khởi kiện bị đơn là anh Hoàng Văn G và chị Nguyễn Thị L về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay thế chấp tại Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/5/2019 là 648.747.945 đồng. Tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu anh G chị L phải trả nợ sang yêu cầu hộ kinh doanh của anh Hoàng Văn G phải trả nợ, căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 19F8006892 thì hộ kinh doanh của anh G có một thành viên là anh Hoàng Văn G. Tại Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh thể hiện, anh G là người trực tiếp kinh doanh và sử dụng vốn vay. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này của anh G là bị đơn còn chị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện hộ kinh doanh của anh G về việc anh G vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay thế chấp tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: 1836/HĐTD ngày 24/11/2015 giữa Ngân hàng với anh Hoàng Văn G. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Anh Hoàng Văn G là bị đơn, chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G, chị L và anh U theo thủ tục chung.

[3].Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hợp đồng tín dụng số: 1836/HĐTD ngày 24/11/2015 về hình thức, được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa Ngân hàng với anh Hoàng Văn G, về nội dung thì Ngân hàng cho anh Hoàng Văn G vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng)

để anh G mua bán thức ăn chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay tại thời điểm nhận nợ là 9%/năm và trả lãi theo tháng, thời hạn trả nợ tiền gốc vào ngày 22/5/2019. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ số 12, diện tích 509,5m^2 tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 468451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 04/5/2017 đứng tên bà Tô Thị Q cùng toàn bộ các công trình xây dựng gắn liền trên khuôn viên thửa đất 143. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng xác định, Hợp đồng tín dụng số 1836/HĐTD ngày 24/11/2015 được ký kết đúng theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc hộ kinh doanh của anh G phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 26/11/2019 là 688.471.233 đồng; trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 26/11/2019 là 88.471.233 đồng gồm lãi trong hạn là 81.517.808 đồng, lãi quá hạn là 6.953.425 đồng và tiếp tục phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả xong nợ . Mặc dù anh G không đến Tòa án làm việc về khoản nợ trên, căn cứ vào hồ sơ vay vốn, chứng từ giải ngân của Ngân hàng, lời khai của bà Q và chị L. Hội đồng xét xử xác định, hộ kinh doanh của anh G do anh G trực tiếp kinh doanh có vay vốn và hiện tại đang nợ Ngân hàng là thực tế. Tại phiên tòa bà Q thừa nhận, số tiền anh G vay Ngân hàng chỉ một mình anh G chi tiêu vào việc kinh doanh của anh G không liên quan gì đến chị L, điều này phù hợp với hợp đồng tín dụng số 1836/HĐTD ngày 24/11/2015 và giấy nhận nợ của anh G tại Ngân hàng. Ngân hàng yêu cầu hộ kinh doanh của anh G phải trả toàn bộ số tiền nợ trên là có căn cứ phù hợp với thực tế. Ngoài ra, bà Q đề nghị xin được trả nợ dần tiền gốc còn tiền lãi xin miễn toàn bộ không được phía Ngân hàng chấp nhận. Xét thấy việc Ngân hàng yêu cầu anh G phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 26/11/2019 là 688.471.233 đồng và tiếp tục phải trả thêm tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi trả xong nợ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản thế chấp: Thửa đất 143, gia đình bà Tô Thị Q thế chấp cho khoản vay của anh Hoàng Văn G tại Ngân hàng có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng bà Q và ông Hoàng Văn Đỗ do ông cha để lại. Ngày 30/9/2008 ông Đỗ chết không để lại di chúc, tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 15/10/2014 thể hiện, toàn bộ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ còn sống tại thời điểm lập văn bản đã thống nhất để lại cho bà Q sử dụng toàn bộ phần di sản của ông Đỗ để lại trong thửa đất số 143. Ngày 24/11/2015 bà Q, anh G, chị L và anh U ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2617/HĐTC quyền sử dụng thửa đất số 143 và các tài sản xây dựng gắn

liền trên thửa đất 143 là hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Trong trường hợp hộ kinh doanh của anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị được xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2617/HĐTC để thu hồi nợ. Nếu xử lý tài sản thế chấp vẫn không thu hồi đủ số tiền nợ gốc, lãi và các chi phí khác thì đề nghị Tòa án buộc anh G phải tiếp tục lấy nguồn tài sản khác của mình để trả nợ Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Tại phiên tòa, Ngân hàng và bà Q đều xác định, trước khi ký hợp đồng thế chấp cho đến nay, tài sản đảm bảo trong hợp đồng thế chấp số 2617 vẫn giữ nguyên chưa có sự thay đổi gì.

Xét thấy yêu cầu trên của Ngân hàng là phù hợp, hợp đồng thế chấp tài sản các bên giao kết đúng với quy định của pháp luật, nguồn gốc hình thành nên khối tài sản của hộ gia đình bà Q là hợp pháp không có sự tranh chấp với bất kỳ thành viên nào khác. Vì vậy nếu anh G không trả được nợ cho Ngân hàng thì tài sản đảm bảo trong hợp đồng thế chấp tài sản số: 2617/HĐTC ngày 24/11/2015 do bà Q, anh G, chị L và anh U thế chấp được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự và các điều khoản của hợp đồng thế chấp tài sản trên nghĩa vụ được đảm bảo. Nếu tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì anh G còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ, theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là anh Hoàng Văn G phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định: Tại phiên tòa, Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền thẩm định tài sản thế chấp nên cần xác nhận sự tự nguyện trên.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 280, 299, 318, 319, 320 và Điều 323 của Bộ luật dân sự; các điều 147, 157 của

Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN VN. Buộc anh Hoàng Văn G phải trả nợ cho Ngân hàng NN VN tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 26 tháng 11 năm 2019 là 688.471.233 đồng (Sáu trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba ba đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 81.517.808 đồng (Tám mươi một triệu, năm trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng), tiền lãi quá hạn là 6.953.425 đồng (Sáu triệu, chín trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi năm đồng) và lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi anh G trả xong nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn hai bên đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng ký ngày 24/11/2015.

Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp anh G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2617/HĐTC đã ký ngày 24/11/2015 gồm quyền sử dụng thửa đất số 143, tờ bản đồ số 12, diện tích 509,5m^2 tọa lạc tại thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 468451 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 04/5/2017 đứng tên bà Tô Thị Q cùng toàn bộ các công trình xây dựng gắn liền trên khuôn viên thửa đất 143 được quyền bán phát mại để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì anh G còn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả xong nợ, theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Hoàng Văn G phải chịu 31.539.000 đồng (đã được làm tròn số) (Ba mươi mốt triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí. Ngân hàng NN VN không phải chịu án phí nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.970.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0005775 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Hạnh